CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN AN HÒA TN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .52./CV-TAH	*Thái Nguyên, ngày 21. tháng 10 năm 2026*

V/v đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức

Kính gửi: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

Chúng tôi là Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN - chủ đầu tư Dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức.

Căn cứ theo văn bản số 13056/SNNMT-BVMT ngày 20/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức và Biên bản họp hội đồng thẩm định kèm theo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN xin gửi đến Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên hồ sơ gồm:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức được đóng quyển, Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".pdf" chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục (nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục được Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN ký số (nếu nộp trực tuyến).

- Chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung biên bản họp hội đồng thẩm định *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).*

Chúng tôi cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, QLDA.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN AN HÒA TN

Nguyễn Đức Lượng

PHỤ LỤC
VỀ VIỆC CHỈNH SỬA, BỔ SUNG, GIẢI TRÌNH THEO NỘI DUNG BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐTM

(Đính kèm công văn số ..52/CV-TAH.. ngày ..21/..10../2026 về việc đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án)

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
A	**Kết luận của hội đồng thẩm định**		
1	Rà soát, làm rõ sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan; thống nhất diện tích, ranh giới Dự án giữa hồ sơ chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết và báo cáo ĐTM	Đã bổ sung tại mục 1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan	3 - 4
2	Rà soát, hoàn thiện phương pháp và cơ sở tính toán tải lượng chất thải, dự báo phát tán khí thải, bụi, tiếng ồn và các tác động trong giai đoạn thi công, vận hành; bảo đảm phương pháp, hệ số và số liệu đầu vào phù hợp với đặc điểm, quy mô của Dự án và các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng; Làm rõ các phương pháp mô hình hóa đã sử dụng, cơ sở tính toán và độ tin cậy của kết quả dự báo	Đã bổ sung tại mục *4.1.3. Phương pháp mô hình hóa* Sử dụng các mô hình tính toán để dự báo lan truyền các chất ô nhiễm trong môi trường không khí, từ đó xác định mức độ, phạm vi ô nhiễm môi trường không khí do các hoạt động của dự án gây ra (Mô hình nguồn đường). (Áp dụng trong Chương 3 của báo cáo). + Mô hình Sutton để tính toán dự báo nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động giao thông (thể hiện ở Chương 3).	10

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
3	Làm rõ phương án hoàn trả suối, kênh tưới, thoát nước và tiêu thoát nước khu vực; xác định trách nhiệm quản lý, vận hành các công trình sau khi hoàn thành	Chủ đầu tư thực hiện hoàn trả đoạn suối hiện trạng bằng kênh đất có mặt cắt hình thang bxHxB = (2x2x6)m, dài khoảng 825m nằm sát ranh giới phía Đông Bắc của dự án; hoàn trả tuyến kênh tưới hiện trạng bằng kênh bê tông B300, dài khoảng 305m nằm sát ranh giới phía Đông Nam của dự án, dẫn nước từ kênh thủy lợi hiện trạng nằm sát ranh giới dự án để cấp cho 5,45ha đất nông nghiệp còn lại. Phương án hoàn trả đoạn suối và đoạn kênh thủy lợi đã được đơn vị quản lý là UBND phường Phúc Thuận chấp thuận tại Văn bản số 1801/CV-UBND ngày 02/10/2026	32 - 33
4	Rà soát khoảng cách an toàn từ khu hỏa táng, khu cát táng đến nhà ở và các công trình lân cận; làm rõ phương án xử lý đối với các hộ dân, các ngôi mộ nhỏ lẻ và nghĩa trang hiện hữu chịu ảnh hưởng	Đã bổ sung tại mục 1.1.5.1. Mối tương quan với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và thể hiện tại Hình 1. 2. Khoảng cách từ khu vực lò hỏa táng và khu vực cát táng đến vị trí xung quanh. Trong bán kính 500m từ khu vực đặt lò hỏa táng có 03 công trình nhà ở cấp IV thuộc tổ dân phố Minh Đức (thuộc phần diện tích 7,53ha do UBND phường Phúc Thuận tiếp nhận quản lý). Hiện nay, Chủ đầu tư đang phối hợp cùng UBND xã đã thực hiện thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất, nên trong bán kính 500m từ khu vực lò hỏa táng và 100m từ khu vực cát táng không có công trình nhà ở, khu dân cư	31

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		tập trung đảm bảo theo đúng khoảng cách an toán về môi trường của Nhĩa trang quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	
5	Rà soát, tính toán đầy đủ lưu lượng, tải lượng các nguồn nước thải; làm rõ cơ sở lựa chọn công suất trạm xử lý 220 m^3/ngày đêm so với lưu lượng nước thải dự kiến, xác định thống nhất nguồn tiếp nhận và đánh giá tác động đến nguồn nước	Đã bổ sung bảng tính toán nhu cầu thoát nước thải tại Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu thoát nước thải. Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất khoảng 218,51 m^3/ngày (hệ số k = 1,3), nên chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng trạm XLNT công suất 220 m^3/ngày	41
6	Làm rõ cân bằng đào đắp, khối lượng khoảng 2,65 triệu m^3 đất dư thừa, tính chất pháp lý và phương án tận thu, vận chuyển, tiếp nhận; đánh giá tác động đến giao thông, khu dân cư và môi trường	Đã tính toán lại bảng cân bằng khối lượng đào đắp: Khối lượng đất đào khoảng 2.863.548,86 m^3, khối lượng đất đắp khoảng 374.485,56 m^3, khối lượng đất dư thừa khoảng 2.489.063,30 m^3 tại Bảng 1. 6. Bảng tính toán cân bằng khối lượng san nền. Đã trình bày đánh giá tác động đến giao thông, khu dân cư và môi trường tại mục 3.1.1.3. ***(3). Tác động đến sức khỏe cộng đồng*** Cộng đồng dân cư lân cận có thể bị ảnh hưởng với các tác động phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình vận chuyển nguyên vật liệu. Đối tượng chịu tác động chính là các hộ dân cư sống dọc tuyến đường vận chuyển và	41; 94

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		những người tham gia giao thông trên tuyến đường, dân cư xung quang khu vực Dự án. Các tác động bao gồm: - Tiếng ồn, độ rung. - Bụi, khí thải, mùi hôi. Các tác nhân trên có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân, giảm năng suất lao động, giảm khả năng tập trung đối với các cán bộ, nhân viên tại các trụ sở, cơ quan lân cận. ***(4). Tác động đến kinh tế - xã hội, an ninh trật tự khu vực*** Quá trình xây dựng của Dự án làm gia tăng mật độ giao thông vận tải, gây cản trở cho các phương tiện tham gia giao thông trong khu vực do các hoạt động vận chuyển VLXD và tập kết máy thi công. Hơn nữa, việc gia tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường đặc biệt là phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu có trọng tải lớn sẽ gây áp lực lớn đối với hạ tầng kỹ thuật, giao thông khu vực, ảnh hưởng tới chất lượng mặt đường, có thể gây nứt, hư hỏng mặt đường nếu không có biện pháp quản lý phù hợp.	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
7	Đánh giá đầy đủ tác động của khí thải lò hỏa táng, bụi, tiếng ồn, mùi, nước mưa chảy tràn và các sự cố có thể phát sinh trong quá trình thi công, vận hành	Đã đánh giá đầy đủ bụi, tiếng ồn, mùi, nước mưa chảy tràn và các sự cố trong giai đoạn thi công và vận hành trong báo cáo	-
8	Bổ sung giải pháp kiểm soát bụi, bùn đất, tiếng ồn và an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển đất; hoàn thiện phương án bảo đảm tiêu thoát nước, cấp nước tưới và hạn chế ảnh hưởng đến khu vực xung quanh	c động của hoạt động vận chuyển đất dư được trình bày tại mục 3.1.1.1. (2). Tác động do bụi, khí thải: Nồng độ khí thải được trình bày tại Bảng 3. 7. Nồng độ khí thải từ các phương tiện vận chuyển theo khoảng cách Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải được trình bày tại mục 3.1.2.3. Đối với bụi, khí thải: - Trong quá trình đào đắp, san nền thực hiện phun nước chống bụi tại khu vực phát sinh ra nhiều bụi. Tại các khu vực thi công xây dựng, sử dụng ống nhựa PVC đục lỗ phun trực tiếp để dập bụi. - Xung quanh khu vực thi công tiến hành quây tường tôn cao 3m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh để hạn chế tác động do bụi, khí thải đồng thời hạn chế những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra. - Các phương tiện vận chuyển có dùng bạt che phủ để tránh vật liệu rơi vãi, phát sinh bụi;	32 – 33; 100; 105

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		Biện pháp giảm thiểu bùn đất được trình bày tại 3.1.2.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại: - Bố trí vị ví để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường, tránh tình trạng bùn đất bám dính trên bánh xe làm ô nhiễm tuyến đường vận chuyển, gây cản trở giao thông; lượng bùn thải này chính là đất san nền dính vào lốp xe vì vậy toàn bộ lượng bùn thải này sẽ được định kỳ vét lên và sử dụng làm nguyên liệu đất san lấp. Đã trình bày tại mục 3.1.2.6. (5). Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường kinh tế - xã hội - Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện phương pháp được phê duyệt; xây dựng hàng rào bao quanh vị trí thi công; lắp đặt biển quảng cáo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trình bày tại ***3.1.2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung*** Trong quá trình thi công xây dựng, nguồn phát sinh tiếng ồn và rung động chủ yếu là từ các phương tiện vận tải chuyên chở nguyên vật liệu và các phương tiện máy móc thi công trên công trường. Để giảm thiểu tiếng ồn và rung động trong quá trình thi công, chủ dự án thực hiện các biện pháp như sau: - Sắp xếp thời gian vận hành thiết bị máy móc, yêu cầu các nhà thầu thi công tuyệt đối không thi công trong khoảng thời gian từ 21h đến 6h sáng hôm sau. - Trong giai đoạn hoạt động bố trí các thiết bị phát sinh tiếng ồn một cách hợp lý. Đã bổ sung tại mục 3.1.2.6. (6). Biện pháp giảm thiểu tác động vùng sản xuất nông nghiệp lân cận Dự án	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		Chủ đầu tư thực hiện hoàn trả đoạn suối hiện trạng bằng kênh đất có mặt cắt hình thang bxHxB = (2x2x6)m, dài khoảng 825m nằm sát ranh giới phía Đông Bắc của dự án; hoàn trả tuyến kênh tưới hiện trạng bằng kênh bê tông B300, dài khoảng 305m nằm sát ranh giới phía Đông Nam của dự án, dẫn nước từ kênh thủy lợi hiện trạng nằm sát ranh giới dự án để cấp cho 5,45ha đất nông nghiệp còn lại. Phương án hoàn trả đoạn suối và đoạn kênh thủy lợi đã được đơn vị quản lý là UBND phường Phúc Thuận chấp thuận tại Văn bản số 1801/CV-UBND ngày 02/10/2026.	
9	Rà soát, thống nhất số liệu, thông số kỹ thuật, quy chuẩn áp dụng giữa các phần của báo cáo; bổ sung hồ sơ, bản vẽ công trình bảo vệ môi trường và bổ sung, hoàn thiện, giải trình các ý kiến đối với nội dung tham vấn cộng đồng	Đã rà soát, thống nhất số liệu, thông số kỹ thuật, quy chuẩn áp dụng giữa các phần của báo cáo; bổ sung hồ sơ, bản vẽ công trình bảo vệ môi trường tại báo cáo và phụ lục Đã hoàn thiện, giải trình các ý kiến đối với nội dung tham vấn cộng đồng tại Bảng 7. 1. Bảng tổng hợp kết quả tham vấn trong quá trình thực hiện Dự án	155
B	**Ý kiến của thành viên hội đồng**		
I	**Cô Trịnh Thị Thanh- Ủy viên phản biện**		
10	Dự báo tải lượng ô nhiễm nước thải sinh hoạt áp dụng theo TCVN 7957:2023, Tiêu chuẩn quốc gia	Đã rà soát, chỉnh sửa tại Bảng 3. 21. Dự báo chất lượng nước thải và yêu cầu chất lượng nước thải đầu ra	110

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	TCVN 7957:2023 Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài thay vì dự án áp dụng WHO (Bảng 3.22- trang 101)		
11	Cập nhật Thông tư 12/2021/TT – BXD 31/8/2021 đưa ra lượng tiêu hao vật liệu xây dựng là 0,5% - 5% tổng khối lượng vật liệu sử dụng) thay vì dự án áp dụng Quyết định 1329/QĐ-BXD ngày 19/12/2016 của Bộ Xây dựng (trang 78)	Đã chỉnh sửa tại mục 3.1.1.1. (4). Tác động do chất thải rắn công nghiệp thông thường Lượng phế thải xây dựng ước tính bằng 0,5% khối lượng nguyên vật liệu xây dựng (Định mức vật tư trong xây dựng – Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TTBXD ngày 31 tháng 08 năm 2021). Khối lượng vật tư dự tính cho xây dựng các hạng mục công trình khoảng 105.024,36 tấn, thời gian tiến hành xây dựng các công trình trong vòng 1.170 nên lượng chất thải rắn phát sinh trong ngày là: (105.024,36 tấn *0,5%)/1170 ≈ 0,45 (tấn/ngày)	86
12	Làm rõ việc dự án tuân thủ theo quy định về quy hoạch trồng cây xanh	Trong khu vực Dự án có khoảng 13,88 ha diện tích cây xanh mặt nước, chiếm khoảng 29% diện tích Dự án đảm bảo đạt yêu cầu về diện tích cây xanh, mặt nước theo quy định tại QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc giá về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	-
13	Trang 17 nên làm rõ dự án áp dụng HTXLNT là AO-MRRB và bể lọc cao áp nhằm thể hiện rõ dự án	Đã bổ sung tại báo cáo: Chủ đầu tư đầu tư xây dựng trạm XLNT sử dụng công nghệ AO-MBBR và bể lọc cao áp để xử ký đảm bảo nước thải đạt cột A của QCVN	125 - 127

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	áp dụng các công đoạn xử lý chủ chốt nhằm đạt hạng A/ QCVN 15/2025	14:2025/BTNMT trước khi thoát ra mương phía đông của dự án do UBND phường Phúc Thuận quản lý	
14	Trong khu vực dự án có 4 nghĩa trang tập trung": Cần làm rõ việc di dời/giữ lại/ chỉnh trang 4 nghĩa trang này hoặc quy tập lại trong nghĩa trang 3.903,58m2 do UBND phường quản lý. Trên cở đó, bc bổ sung các nội dung có liên quan (tổ chức thực hiện/ các tác động/ các biện pháp giảm thiểu tác động)	Đối với phần diện tích 7,53ha thuộc diện tích quy hoạch nhưng không có thuộc diện tích dự án, không thực hiện xây dựng các hạng mục liên quan đến nghĩa trang	-
15	Cụ thể hóa thông tin <u>hoàn trả 1,02 ha hệ thống kênh</u> trong khu vực dự án (Đã được UBND phường cấp thuận)	Chủ đầu tư thực hiện hoàn trả đoạn suối hiện trạng bằng kênh đất có mặt cắt hình thang bxHxB = (2x2x6)m, dài khoảng 825m nằm sát ranh giới phía Đông Bắc của dự án; hoàn trả tuyến kênh tưới hiện trạng bằng kênh bê tông B300, dài khoảng 305m nằm sát ranh giới phía Đông Nam của dự án, dẫn nước từ kênh thủy lợi hiện trạng nằm sát ranh giới dự án để cấp cho 5,45ha đất nông nghiệp còn lại. Phương án hoàn trả đoạn suối và đoạn kênh thủy lợi đã được đơn vị quản lý là UBND phường Phúc Thuận chấp thuận tại Văn bản số 1801/CV-UBND ngày 02/10/2026	22
II	**Bà Đỗ Thị Lan - Ủy viên phản biện**		

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
1	-Thiếu các căn cứ đặc thù của loại hình: Nghị định 23/2016/NĐ-CP về nghĩa trang và cơ sở hỏa táng - Thông tư 21/2021/TT-BYT về vệ sinh mai táng, hỏa táng - Luật Lâm nghiệp (dự án chuyển đổi 30,38 ha đất rừng sản xuất); - Pháp luật khoáng sản đối với đất dư đem bán.	Đã bổ sung tại 2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM	4
2	Không liệt kê phương pháp mô hình hóa, dù báo cáo có dùng mô hình Sutton và mô hình hộp	Đã bổ sung tại mục *4.1.3. Phương pháp mô hình hóa* Sử dụng các mô hình tính toán để dự báo lan truyền các chất ô nhiễm trong môi trường không khí, từ đó xác định mức độ, phạm vi ô nhiễm môi trường không khí do các hoạt động của dự án gây ra (Mô hình nguồn đường). (Áp dụng trong Chương 3 của báo cáo). + Mô hình Sutton để tính toán dự báo nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động giao thông (thể hiện ở Chương 3).	10
3	Trang 26 viết có 04 khu nghĩa trang tập trung (3.343 + 485 + 380 + 1.734 = 5.942 m^2) cùng mộ lẻ phải di dời. Tr.79 chỉ tính "khoảng 8 ngôi mộ, 30 m^2". Khu thứ tư được "chỉnh trang, tôn tạo" nhưng không rõ	Đã chỉnh sửa tại chương 1 của báo cáo, dự án có 01 khu mộ nằm trong phạm vi Dự án, số ngôi mộ là: Trong khu vực Dự án có khoảng 80 ngôi mộ cần phải di dời với tổng diện tích khoảng 100 m2.	30

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	nằm trong hay ngoài ranh dự án??? Yêu cầu: Thống kê đúng số mộ và diện tích phải quy tập/di dời, nêu địa điểm di dời đến. Bổ sung đánh giá tác động của việc cải táng (vi sinh, mùi, nước, tâm linh) theo TT 21/2021/TT-BYT.		
4	Trang 27 - Khoảng cách an toàn môi trường: (1) Trong bán kính 500 m từ vị trí đặt lò có 03 nhà ở, được giải trình là "đã thu hồi", nhưng không có bản đồ và văn bản chứng minh. (2) Nhà dân gần nhất thuộc TDP Thống Thượng chỉ cách ranh dự án khoảng 60 m. (3) Báo cáo viện dẫn "QCVN 01:2025/BTNMT … khoảng cách 500 m đối với cơ sở xử lý CTNH bằng công nghệ đốt", nhưng cơ sở hỏa táng không thuộc loại hình này. (4) Khoảng cách tới trường học ghi 1,0 km, trong khi Hình 1.1 (trang 24) thể hiện Trường Tiểu học Minh Đức nằm sát phía Tây ranh dự án. Yêu cầu: Lập bản đồ có tỷ lệ, thể hiện vị trí lò hỏa táng, nhà lưu giữ thi hài, các lô cát táng, trạm XLNT, điểm xả, nhà dân, trường học và hồ Cô Vinh, kèm các vòng bán kính 100 m và 500 m. Đối chiếu Bảng 2.25 QCVN 01:2021/BXD: nhà hỏa táng/nhà lưu giữ thi hài cách	Đã bổ sung tại mục 1.1.5.1. Mối tương quan với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và thể hiện tại Hình 1. 2. Khoảng cách từ khu vực lò hỏa táng và khu vực cát táng đến vị trí xung quanh. Trong bán kính 500m từ khu vực đặt lò hỏa táng có 03 công trình nhà ở cấp IV thuộc tổ dân phố Minh Đức (thuộc phần diện tích 7,53ha do UBND phường Phúc Thuận tiếp nhận quản lý). Hiện nay, Chủ đầu tư đang phối hợp cùng UBND xã đã thực hiện thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất, nên trong bán kính 500m từ khu vực lò hỏa táng và 100m từ khu vực cát táng không có công trình nhà ở, khu dân cư tập trung đảm bảo theo đúng khoảng cách an toán về môi trường của Nhĩa trang quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	31

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	nhà ở tối thiểu 500 m, khoảng cách tăng tối thiểu 1,5 lần nếu nằm đầu hướng gió chính; lô cát táng cách nhà ở tối thiểu 100 m; xét cả khoảng cách tới hồ, suối và dải cây xanh cách ly ≥ 10 m. Kiểm tra lại số hiệu và phạm vi của "QCVN 01:2025/BTNMT".		
5	Trang 27, 28– Hồ Cô Vinh: Hồ Cô Vinh là công trình thủy lợi tưới cho 5,45 ha và thuộc danh mục hồ không được san lấp, trong đó 1,02 ha nằm trong ranh dự án. Báo cáo không nói rõ phần diện tích này được giữ lại, cải tạo hay san lấp. Phương án hoàn trả kênh tưới (dài 305 m, theo Chương 7) không được mô tả ở Chương 1. Làm rõ phương án đối với phần hồ trong ranh dự án và đối chiếu với QĐ 2106/QĐ-UBND. Mô tả tuyến kênh hoàn trả, kèm văn bản của đơn vị quản lý thủy lợi.	Đã trình bày bổ sung tại mục b. Sông suối, ao hồ xung quanh khu vực Dự án: Đối với phần diện tích 1,02ha Hồ Cô Vinh sẽ giữ nguyên hiện trạng hồ không thực hiện san lấp, cải tạo hồ.	32
6	Trang 29: Phần 7,53 ha lúc ghi "nằm trong ranh của dự án" (trang 29), lúc ghi "nằm ngoài ranh" (trang 10, trang 12, trang 30). Theo trang 27, đây cũng là khu dự kiến làm nghĩa trang do UBND phường làm chủ đầu tư. Cần thống nhất cách ghi. Bổ sung đánh giá tác động cộng hưởng với khu 7,53 ha.	Đã chỉnh sửa: Diện tích không thuộc phạm vi thực hiện Dự án: Đối với phần diện tích khoảng 75.349,67 m2 (khoảng 7,53ha) nằm trong ranh giới quy hoạch nhưng nằm ngoài khu vực Dự án sẽ được UBND phường Phúc Thuận quản lý.	33

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		1. Đối với phần diện tích 7,53ha thuộc diện tích quy hoạch nhưng không có thuộc diện tích dự án, không thực hiện xây dựng các hạng mục liên quan đến nghĩa trang bên không bổ xung đánh giá tác động công hưởng của Dự án với khu 7,53 ha.	
7	Trang 31 Diện tích cát táng Bảng 2 (trang 11) ghi 207.822,80 m². Ký hiệu lô ghi sai "CT-01 ÷ TC-32". Nghĩa trang thành phần chỉ có hình thức cát táng, nhưng không có quy mô (số phần mộ), tiến độ lấp đầy, hay nguồn hài cốt (quy tập, hỏa táng tại chỗ, nơi khác chuyển đến). Cần bổ sung quy mô, công suất tiếp nhận của từng hạng mục.	Đã chỉnh sửa, bổ sung tại mục .2.2. Nghĩa trang thành phần: - Đất khu vực nghĩa trang xây dựng mới (Hình thức Cát táng) có tổng diện tích 207.882,08 m2, bố trí khoảng 47.980 ngôi mộ tại các lô đất ký hiệu CT-01 ÷ CT-32; CT-34; CT-36 ÷ CT-38; CT-42 ÷ CT-50. - Đất khu vực nghĩa trang xây dựng mới dành cho đối tượng chính sách (Hình thức Cát táng) có tổng diện tích 32.021,26 m^2, bố trí khoảng 6.404 ngôi mộ (tiêu chuẩn diện tích mộ cát táng 5m^2/mộ) tại các lô đất ký hiệu NT-01 ÷ NT-07	36
8	Trang 32 và trang 41 - Bảng 1.4 - Nhu cầu cấp nước: (1) Bảng tính theo diện tích quy hoạch 798/QĐ-UBND (37.248,71 m²; 161.114,59 m²...), tức là cả phần 7,53 ha không thuộc dự án, thay vì diện tích dự án (31.927,87 m²...). Các diện tích này cũng không khớp Bảng 2 (161.026,56 và 78.423,88 m²). (2) Dòng "Cây xanh mặt nước" áp tiêu chuẩn 3	Đã tính toán lại bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước theo diện tích của Dự án. Tổng nhu cầu sử dụng nước lớn nhất khoảng 692,90 tại bảng Bảng 1. 4. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Dự án	38

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	l/m² cho 161.114,59 m² thì phải ra 483,3 m³/ngđ, nhưng bảng ghi 268,83 m³/ngđ (là kết quả nếu chỉ tính 89.611,56 m²). (3) Áp tiêu chuẩn 2 l/m² sàn cho tháp lưu tro 13 tầng ra 89,47 m³/ngđ, không có cơ sở. (4) Thiếu nhu cầu nước cho lò hỏa táng và khu lưu giữ thi hài, rửa xe tang, khử trùng, nhà hàng chay (trang 100), khách viếng (2.000 người/ngày, trang 107) và các ngày cao điểm (Thanh minh, rằm tháng Bảy, Tết). (5) Ngày văn bản cấp nước 83/CV-YBW ghi 02/10/2026 (trang 34) nhưng lại ghi 05/10/2026 (trang 41).Tính lại nhu cầu nước theo đối tượng sử dụng thực tế, cho ngày thường và ngày cao điểm. Lập bảng và sơ đồ cân bằng nước (cấp - sử dụng - thất thoát - nước thải - tái sử dụng) cho cả giai đoạn thi công và vận hành.		
9	Trang 35 - Đèn chiếu sáng "chịu được xâm thực của môi trường gần biển", nội dung sao chép từ dự án khác.	Đã loại bỏ nội dung này trong báo cáo.	-
10	Trang 37, 39 - Bảng 1.5, 1.6 - San nền. (1) Đào 2.768.145 m³, đắp 120.408 m³, dư 2.647.737,8 m³: đây là khối lượng đất đá rất lớn, tương ứng chiều	Đã tính toán lại bảng cân bằng khối lượng đào đắp: Khối lượng đất đào khoảng 2.863.548,86 m³, khối lượng đất đắp khoảng 374.485,56 m³, khối lượng đất dư thừa khoảng	41

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	sâu đào trung bình khoảng 6,7 m trên 41 ha. (2) Dòng 12 của bảng 1,6 "Khối lượng đắp cây xanh 254.077,91 m^3" không được cộng vào tổng khối lượng đắp, nên kết quả cân bằng sai. Mô tả "địa hình tương đối bằng phẳng" (trang 50) mâu thuẫn với "sườn núi có độ dốc lớn" (trang 25). Cần lập lại bảng cân bằng đào đắp.	2.489.063,30 m^3 tại Bảng 1. 6. Bảng tính toán cân bằng khối lượng san nền.	
11	Trang 39 -Bảng 1.7 - Nguyên vật liệu. Bảng tính sai: xi măng 5.886 kg được quy đổi thành 8.829 tấn; gỗ ván 16.141,5 m^3 và ván khuôn 18.009 m^3 là phi thực tế khi bê tông chỉ có 3.523,5 m^3; thép 162.941 kg được ghi 160,441 tấn; gạch lát 13.050 m^2 chỉ ra 2,61 tấn; không có nhựa đường (trang 75 lại dùng 40 tấn nhựa) và không có đá, cấp phối cho khoảng 75.000 m^2 đường. Tổng 64.073 tấn là con số sai, trong khi nó là đầu vào để tính số chuyến xe, bụi và CTR xây dựng. Lập lại bảng theo dự toán thiết kế cơ sở và tính toán lại	Đã rà soát, chỉnh sửa tại Bảng 1. 8. Tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu của các hạng mục công trình Dự án: tổng nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của dự án là 105.024,36	45
12	Trang 49 Tiến độ chỉ ghi "đến hết Quý IV/2030", không rõ tiến độ các hạng mục công trình? Các thời gian dùng để tính toán không thống nhất: san nền	Đã bổ sung Bảng 1. 10. Tiến độ thực hiện Dự án	55

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	200 ngày (trang 67), thi công 1.095 ngày (trang 76), 1.170 ngày (trang 69). Cần lập tiến độ chi tiết?	Thống nhất thời gian san nền là 200 ngày, thời gian phá dỡ công trình hiện hữu là 20 ngày, thời gian thi công là 1.170 ngày	
13	Bảng 2.3 trang 30 Tính lại dòng "TB" của bảng mưa sai ở hầu hết các tháng (ví dụ tháng 1 phải là 38,2 mm chứ không phải 30,7 mm; tháng 8 phải là 409,7 mm chứ không phải 382,2 mm; tháng 5 ghi "1727"). Lượng mưa năm trung bình phải là khoảng 1.890 mm, không phải 1.791 mm. Năm mưa nhiều nhất là 2024 (2.276,8 mm), không phải 2021. Không có hoa gió và cấp ổn định khí quyển, trong khi các mô hình lại dùng 3 giá trị tốc độ gió khác nhau (1,3; 2,65; 3,1 m/s). Cần tính lại các bảng. Bổ sung hoa gió và tần suất lặng gió, thống nhất thông số khí tượng đầu vào cho các mô hình.	Đã rà soát, tính toán tại Bảng 2.3. Tổng lượng mưa các tháng trong năm - Tổng lượng mưa trung bình năm: 1.890 mm. - Tổng lượng mưa trung bình năm cao nhất (năm 2024): 2.276,8 mm. - Số ngày mưa trong năm: 150 - 160 ngày. - Lượng mưa trung bình tháng lớn nhất: 409,72mm (tháng 8). - Lượng mưa trung bình tháng nhỏ nhất: 10,78 mm (tháng 12). Rà soát thống nhất chỉnh sửa tính toán phát thải khí ô nhiễm với tốc độ gió trung bình là 1,3 m/s. Biểu đồ hoa gió và tần suất lặng gió được thể hiện tại Hình 2. 1. Biểu đồ hoa gió tỉnh Thái Nguyên	59 - 60
14	Trang 58 - Bảng 2.5 Mẫu nước mặt NM1 đã vượt quy chuẩn ở COD, TSS, NH_4^+, NO_2^-, Fe. Bổ sung giải thích nguyên nhân.	Đã bổ sung tại báo cáo: Một số thông số như COD, TSS, Amoni, Nitrit, sắt (tại NM01-TN) vượt quy chuẩn cho phép, các thông số còn lại đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép QCVN	66

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		08:2023/BTNMT bảng 1, bảng 3, mức D. Đối với mẫu NM02-TN các thông số đều nằm trong giá trị cho phép QCVN 08:2023/BTNMT, bảng 1, bảng 3, mức B. Một số chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép do khu vực có nhiều trang trại chăn nuôi nhỏ lẻ của các hộ gia đình trong khu vực chưa thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường đối với nước thải trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.	
15	- Bảng 2.8 trang 60 – Lý do gì nước dưới đất chỉ phân tích 3 chỉ tiêu (Fe, Mn, Coliform), thiếu pH, NH_4^+, NO_3^-, As...?	Đây là 03 chỉ tiêu chính của nước dưới dất, nên chủ đầu tư chỉ thực hiện phân tích 3 chỉ tiêu này	-
16	*** Chương 3: Giai đoạn thi công**		
17	- Trang 68/trang 80: Tr.68 ghi khối lượng phá dỡ 4.196.850 tấn, trong khi trang 80 tính ra 4.196,84 tấn, tức sai 1.000 lần??	Đã rà soát, thống nhất kết quả tính toán: Tổng khối lượng phá dỡ công trình hiện hữu là 4.221,84 tấn	88
18	- Trang 75 -77 - Hơi nhựa, khí hàn, sơn: Lượng nhựa đường 40 tấn không có trong Bảng 1.7. Nồng độ khí hàn tính sai 10 lần (40,242 g/764.741 m^3 ≈ 52,6 $\mu g/m^3$, không phải 5,02). Báo cáo viện dẫn QĐ 3733/2002/QĐ-BYT, nhưng nội dung này đã được thay thế bằng QCVN 03:2019/BYT.	Đã rà soát, chỉnh sửa, dự án không sử dụng nhựa đường	-

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
19	- Trang 77 - 80 - Chất thải rắn: (1) CTR xây dựng 3.383 tấn được tính từ Bảng 1.7 sai. Nếu thải bỏ 2% thì phải là 67,7 tấn, không phải 56,51 tấn. (2) Phế thải phá dỡ 4.197 tấn được ghi là "tận dụng san lấp", trong khi dự án đang dư 2,65 triệu m^3 đất; chưa xét tới tấm lợp fibro xi măng (amiăng) ở 24 chuồng trại và 37 nhà ở. (3) Đất dư 2,65 triệu m^3 không được tính là chất thải và không có biện pháp quản lý. Cần tính lại; phân loại, nêu khối lượng và phương án quản lý từng loại chất thải.	chỉnh sửa tại mục 3.1.1.1. (4). Tác động do chất thải rắn công nghiệp thông thường Chất thải rắn từ quá trình xây dựng không chứa các thành phần nguy hại, không bị thối rữa, không tạo mùi gây ô nhiễm môi trường. Hơn nữa chúng lại có khả năng tái sử dụng, ví dụ như cốt pha gỗ dùng làm chất đốt; Gạch vỡ, vật liệu xây dựng rơi vãi dùng để san lấp mặt bằng; Vỏ bao xi măng, đầu mẫu sắt thép,… thu hồi bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Còn lại các chất thải không thể tái sử dụng phải thải bỏ ước tính chỉ chiếm 2% trong lượng hao hụt phát sinh cho toàn bộ quá trình xây dựng là 10,5 tấn.. ➢ *Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện hữu* Trong khu vực Dự án có khoảng 80 ngôi mộ cần phải di dời với tổng diện tích khoảng 100 m^2. Theo TCVN 2737-2023: Tải trọng các hạng mục công trình phá dỡ khoảng: 250 kg/m2. Khối lượng vật liệu, gạch vỡ, bê tông, … phát sinh từ hoạt động phá dỡ các ngôi mộ khoảng: 100 x 250 = 25.000 kg ≈ 25 tấn	86

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		Ngoài ra, trong khu vực Dự án có khoảng 24 công trình nhà gạch chăn nuôi, khoảng 37 công trình nhà ở. Tổng diện tích phá dỡ khoảng 5.597,79 m^2. Trong quá trình phá dỡ các công trình phát sinh chất thải xây dựng như: bê tông cốt thép, tôn gạch, ngói, đường ống nước. Theo TCVN 2737-2023 Tải trọng các hạng mục công trình phá dỡ khoảng: 750 kg/m^2. Khối lượng vật liệu, gạch vỡ, bê tông, … phát sinh từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu khoảng: 5.579,79 x 750 = 4.196.843 kg ≈ 4.196,84 tấn. Tổng khối lượng từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu là: 25 + 4.196,84 = 4.221,84 tấn Thành phần của chất thải này chủ yếu là gạch vỡ, bê tông,… sẽ được thải bỏ theo quy định của pháp luật. Đã chỉnh sửa tại báo cáo đất dư thừa không phải là chất thải. Vị trí đổ đất dư thừa: 04 Dự án thuộc Chủ đầu tư Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Quang Minh tại phường Linh Sơn, phường Tích Lương, phường Gia Sàng tỉnh Thái Nguyên thuộc Dự án của theo Biên bản làm việc ngày 12/10/2026 về việc tiếp nhận đất dư thừa làm vật liệu san	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		lấp của Dự án "Công viên Nghĩa trang Minh Đức" tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên. Tổng nhu cầu sử dụng khoảng 3.100.000 m3 đất để phục vụ công tác san lấp mặt bằng.	
20	Trang 69 - Đất dư 2,65 triệu m^3: Báo cáo gọi là "đổ thải", nhưng biên bản ngày 12/10/2026 ở phụ lục ghi Công ty Quang Minh "sẽ mua toàn bộ" đất, sau khi chủ dự án hoàn thành thủ tục pháp lý. Đây là biên bản làm việc, chưa phải hợp đồng; các dự án tiếp nhận ở Linh Sơn, Tích Lương, Gia Sàng chưa được chứng minh có ĐTM và nhu cầu thực tế. Thời gian san nền 200 ngày nhưng vận chuyển kéo dài 1.170 ngày, vậy đất sẽ lưu chứa ở đâu và bao nhiêu? Làm rõ bản chất pháp lý (tận thu, bán khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, hay đổ thải); tuyến đường, số chuyến, bãi trung chuyển; tác động dọc tuyến 27 km; phương án dự phòng nếu bên nhận không tiếp nhận???	Đã được trình bày trong báo cáo: Sau khi dự án được phê duyệt, chủ đầu tư sẽ thực hiện làm thủ tục tận thu khoáng sản theo quy định. Khi thực hiện xong thủ tục chủ đầu tư sẽ ưu tiên các đơn vị đã ký thỏa thuận và tìm kiếm các nhà đầu tư khác để đảm bảo tận thu toàn bộ khoáng sản	-
21	Trang 84 , 86 - GPMB, di dời mộ:Kết luận tác động thu hồi đất là "không đáng kể", trong khi có 239 hộ bị ảnh hưởng, 37 nhà ở và chi phí bồi thường 286,6	Đã rà soát, chỉnh sửa ***3.1.1.3. Tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư*** ***(1). Tác động do việc chiếm dụng đất, đền bù, GPMB***	93

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	tỷ đồng. Không có phương án tái định cư. Nội dung di dời mộ chỉ nêu chung chung. Cần nêu phương án tái định cư và quy trình cải táng theo TT 21/2021/TT-BYT??	**** Tác động do việc chiếm dụng đất*** Khi triển khai đền bù đất, những hộ dân bị ảnh hưởng do mất đất cũng sẽ được bồi thường đất; bồi thường tài sản trên đất; hỗ trợ về chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề và tạo việc làm. Vì vậy việc thu hồi đất có tác động đến hiện trạng đời sống, điều kiện sinh kế của người dân bị ảnh hưởng. Chủ đầu tư phối hợp với UBND phường Phúc Thuận và trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện giải phóng, đền bù và hỗ trợ người dân kinh phí thực hiện di dời mồ mả. Các ngôi mộ trong phạm vi Dự án sẽ được di rời đến vị trí ô đất quy hoạch với tổng diện tích khoảng 5.000 m^2 thuộc quản lý của UBND phường Phúc Thuận. Quy trình cải táng các ngôi mộ hiện hữu trong quá trình chuẩn bị mặt bằng không thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư.	
22	Trang 89 - Thiếu sự cố sạt lở taluy đào, xói lở, bồi lấp hồ Cô Vinh và kênh tưới, và sự cố tại bãi chứa đất tạm.	Dự án không gây tác động tới hồ Cô Vinh và không có bãi chứa đất tạm.	-
23	Trang 99 - Biện pháp giảm thiểu: (1) Hoàn toàn không có công trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn công trường (rãnh đỉnh, rãnh chân taluy, hố/hồ	Dự án không gây tác động xói lở, ảnh hưởng đến hồ Cô Vinh nên không có biện pháp giảm thiểu	98; 101

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	lắng tạm, hàng rào chắn bùn bảo vệ hồ Cô Vinh) cho lưu lượng tính toán 6,6 m^3/s. (2) Nhà vệ sinh lưu động 1.000 lít không nêu số lượng và tần suất hút, trong khi lượng nước thải là 7,5 m^3/ngày. (3) Số cầu rửa xe ghi 01 (trang 90) nhưng lại là 02 (trang 93). Bể lắng có kích thước 1,5 × 3 × 5 m (sâu 5 m) là bất hợp lý. (4) Thùng rác ghi 02 thùng 140 L (trang 16) nhưng lại là 01 thùng 50 L (trang 90) cho 150 kg/ngày; "công nhân mang đi đổ tại bãi rác địa phương" là không đúng quy định. (5) Không có biện pháp xử lý sinh khối thực vật (cấm đốt) và không có biện pháp riêng cho vận chuyển đất dư.	Đã bổ sung tại mục 3.1.2.1. Đối với nước thải: Lắp đặt tại công trường thi công 08 nhà vệ sinh lưu động có dung tích bể chứa chất thải khoảng 1.000 lít/nhà vệ sinh đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể chứa chất thải theo quy định, không xả thải ra môi trường. Tại cổng ra của công trường sẽ lắp đặt hệ thống rửa bánh xe trước khi ra khỏi dự án. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe theo đường rãnh tạm thoát nước kết cấu bằng bê tông (rộng x sâu x dài = 0,5 x 0,8 x 20m) vào 1 bể lắng 03 ngăn kết cấu xây bê tông nằm ở cổng ra vào công trường có dung tích 30m3 (dài x rộng x sâu = 5x3x2m). Đã thống nhất chỉnh sửa tại mục 3.1.2.3. Đối với bụi, khí thải: Phun nước giảm bụi tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày trời không mưa; bố trí 01 cầu rửa xe tại vị trí gần khu vực cổng ra vào của công trường để rửa sạch bùn đất của các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		Đã chỉnh sửa tại 3.1.2.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại a. Chất thải rắn sinh hoạt - Phương án thu gom, xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom vào 02 thùng chứa 140 lít có nắp đậy, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định với tần suất định kỳ 1 ngày 1 lần. b. Chất thải rắn thông thường Trong quá trình xây dựng, chủ Dự án sẽ kết hợp với chủ thầu xây dựng thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau: - Chất thải rắn hữu cơ từ hoạt động phát quang được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật. - Khối lượng đất dư thừa theo Chương 1 khoảng 2.489.063,30 m3 tương đương với khoảng 3.484.688,62 tấn (khối lượng riêng của đất 1,4 tấn/m3), trong quá trình đào đắp san nền sẽ được đơn tiếp nhận đất trực tiếp tới chân	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		công trình vận chuyển theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện khoảng 200 ngày, cung đường vận chuyển trung bình khoảng 27km, sử dụng xe 32 tấn với 136 lượt xe/giờ (Chủ dự án thực hiện đánh giá dự báo tác động môi trường này và chỉ chịu trách nhiệm quản lý, giám sát trong phạm vi của Dự án. Đơn vị vận chuyển có trách nhiệm phát sinh các tác động và có biện pháp giảm thiểu trên toàn bộ tuyến đường vận chuyển theo quy định).	
24	Trang 105 - 107 Khí thải lò hỏa táng: Cần tính từ số liệu báo cáo (6.000 m^3/h/lò, ca 80 phút): bụi khoảng 82 mg/m^3, NOx khoảng 443 mg/m^3, CO khoảng 163 mg/m^3. Cần tính trên mô hình phát tán từ ống khói (Gauss) tới các điểm dân cư ở 60 – 500 m trong điều kiện khí tượng bất lợi và đánh giá mùi??? Yêu cầu đánh giá đầy đủ theo công suất tối đa (5 lò × 10 ca/ngày), đủ thông số của QCVN 19:2024/BTNMT dòng lò hỏa táng; lập mô hình phát tán; chứng minh đạt quy chuẩn.	Trong bán kính 500m từ khu vực lò hỏa táng và 100m từ khu vực cát táng không có công trình nhà ở, khu dân cư tập trung đảm bảo theo đúng khoảng cách an toán về môi trường của Nhĩa trang quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nên không thực hiện đánh giá khi phát sinh trong điều kiện khí tượng bất lợi.	-
25	Trang 107,109 - Chất thải rắn, bùn, tro, CTNH:(1) Khách viếng tính 2.000 người/ngày, không tính ngày cao điểm; bỏ sót vàng mã, vòng hoa và hoạt	Đã tính toán khối lượng CTR sinh hoạt của khách thăm viêng vào thời gian cao điểm với khối lượng khoảng 576kg/ngày;	118

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	động đốt vàng mã (nguồn khói bụi lớn đặc thù của nghĩa trang Việt Nam). (2) Tro tính theo 10 ca/ngày cho toàn bộ cơ sở, trong khi công suất là 5 lò × 10 ca. (3) Bảng CTNH 3.33 dầu mỡ thải ghi "rắn"; không tính chất thải lây nhiễm (bảo hộ lao động khi xử lý thi hài bệnh truyền nhiễm), gạch chịu lửa thải, bao bì hóa chất khử trùng???	Khối lượng tro đã tính toán lại tại mục a.3. Tro cốt sau hỏa thiêu: Tro cốt từ lò hỏa thiêu (một phân đã được người nhà giữ lại). Trung bình, mỗi người trải qua quá trình hóa thân sẽ để lại khoảng 1,4 kg tro cốt bao gồm cả phần áo quan (giả giử trong ngày xử lý 10 ca/lò) thì lượng tro cốt phát sinh khoảng 25.550 kg/năm	
26	Trang 114 – 122 – Trạm XLNT 220 m^3/ngđ: Bảng 3.36 thiết kế đầu ra BOD $\leq$ 30 mg/l, TSS $\leq$ 50 mg/l, cao hơn giới hạn cột A mà chính báo cáo nêu ở Bảng 3.22 (BOD $\leq$ 25, TSS $\leq$ 40), nên không chứng minh được việc đạt cột A. Không có hồ hoặc bể sự cố. Không có thiết bị đo lưu lượng đầu vào??? Bổ sung thuyết minh tính toán. Hiệu chỉnh công nghệ để đạt quy chuẩn; bổ sung bể sự cố và đồng hồ lưu lượng.	Đã chỉnh sửa các thông số so sánh tại bảng 3.22 theo QCVN 14:2025/BTNMT. Đã bổ sung bảng hiệu xuất xử lý của trạm XLNT để chứng minh khí thải sau xử lý đạt cột A của QCVN 14:2025/BTNMT	119
27	Trang 140 - Bảng 6.1. Nhiều nội dung sao chép sai: khí thải lò hỏa táng đạt "QCVN 02:2012/BTNMT" (quy chuẩn lò đốt chất thải y tế); nước thải đạt "QCVN 28:2010/BTNMT cột A" (nước thải y tế); "nước thải xây dựng … thoát vào nguồn tiếp nhận" (trái với chương 3 là không xả); "nước mưa dẫn qua	Đã chỉnh sửa các QCVN hết hiệu lực trong báo cáo	-

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	hồ điều hòa lắng" (không có ở chương 1 và chương 3). Bảng không có cột kinh phí, thời gian và trách nhiệm. Lập lại bảng theo đúng mẫu, nội dung khớp chương 3.		
28	Trang 142 Tham vấn cộng đồng có 161/239 hộ tham dự, nhưng TDP Thống Thượng (gần nhất, cách 60 m) chỉ có 01 ý kiến. Cộng đồng dọc tuyến vận chuyển đất 27 km và tại các điểm tiếp nhận đất chưa được tham vấn.	Đã trình bày tại mục 7.1.1.2. Tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp Số người dân chịu hưởng trong quá trình thực hiện Dự án khoảng 239 hộ dân trong đó số người dân tham dự cuộc họp tham vấn tại Hội trường UBND phường Phúc Thuận khoảng 200 hộ dân. Tuy nhiên sau cuộc họp, phần lớn các hộ dân không ký biên bản và phiếu tham vấn. Sau đó đơn vị tư vấn đã phối hợp cùng với UBND phường Phúc Thuận và tổ trưởng các tổ dân phố Đầm Mương, Minh Đức, Thống Thượng thực hiện lấy bổ sung phiếu ý kiến các hộ dân chịu ảnh hưởng bằng hình thực phát phiếu. Đến hết ngày 19/10/2026, kết quả số phiếu lấy ý kiến như sau: Số phiếu gửi lấy ý kiến tham vấn là 137; số phiếu phản hồi là 113 phiếu, số phiếu không phản hồi trong thời gian quy định là 20 phiếu. *(Theo Biên bản bàn giao phiếu tham vấn trong quá trình thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án*	154

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		"Công viên nghĩa trang Minh Đức" ngày 19/10/2026 giữa Ủy ban nhân dân phường Phúc Thuận và Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN)	
29	Trang 142- Tính thời điểm của hồ sơ tham vấn: Hồ sơ đăng tải và niêm yết (11 – 29/9/2026) có trước các văn bản quan trọng: tiếp nhận nước thải 1801/CV-UBND (02/10), cấp nước (02 hoặc 05/10), cấp điện (08/10), biên bản tiếp nhận 3 triệu m^3 đất (12/10). Như vậy nội dung đã thay đổi đáng kể sau tham vấn???	Các nội dung tiếp nhận nước thải, cấp nước, cấp điện không thay đổi so với nội dung đã được phê duyệt tại Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. Các đối tượng bị tác động đã được xác định và đánh giá đầy đủ tại hồ sơ đăng tải niêm yết theo quy định. Sau quá trình niêm yết và tham vấn, chủ đầu tư đã tiếp thu các nội dung, thực hiện điều chỉnh bổ sung báo cáo theo đúng quy định.	-
30	Phụ lục-Bản vẽ, hồ sơ. Thiếu: bản vẽ mặt bằng tổng thể có vị trí các công trình BVMT; bản vẽ trạm XLNT; hồ sơ kỹ thuật lò hỏa táng; sơ đồ vị trí lấy mẫu và vị trí giám sát; phiếu kết quả phân tích (cần kiểm tra số hiệu VIMCERTS 171 còn hiệu lực	Đã bổ sung các bản vẽ còn thiếu vào phụ lục báo cáo	PL
III	**Ông Triệu Văn Tuấn - Ủy viên**		
31	Báo cáo chưa phân tích sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia và nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên. Đề nghị	Đã bổ sung tại mục 1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi	3 - 4

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	bổ sung nội dung về phân vùng môi trường và khả năng tiếp nhận nước thải, khí thải của khu vực	trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan	
32	Rà soát, thống nhất diện tích, ranh giới và phạm vi đầu tư giữa quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết, hồ sơ đất đai và Báo cáo ĐTM	Đã được thống nhất tại mục 5.1.2. Quy mô, công suất: - Tổng diện tích đất thực hiện Dự án theo chủ trương đã được phê duyệt tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên là 509.827,33m^2 (khoảng 50,98ha). Trong đó: + Khu vực đất nghĩa trang tâm linh: 480.713,03m^2 (khoảng 48,07ha). + Khu vực giao thông đấu nối: 29.114,30m^2 (khoảng 2,91ha) - Diện tích không thuộc phạm vi dự án: 75.349,67m^2 (khoảng 7,53ha) nằm trong ranh giới quy hoạch nhưng nằm ngoài ranh giới thực hiện dự án sẽ do UBND phường Phúc Thuận tiếp nhận quản lý	12
33	Có sơ đồ thể hiện rõ phần diện tích thuộc dự án và phần diện tích nằm ngoài phạm vi dự án	Đã bổ sung hình ảnh thể hiện rõ diện tích thuộc Dự án và diện tích nằm ngoài phạm vi dự án tại Hình 1. 1. Vị trí thực hiện Dự án và Hình 1. 2. Bản đồ mốc giới của Dự án	28; 32
34	Rà soát, thuyết minh rõ cơ sở xác định cao độ san nền, cao độ hiện trạng, cao độ thiết kế và phương	Đã cập nhật, bổ sung tại mục 1.2.4.1. San nền	42- 43

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	pháp tính toán khối lượng đào, đắp; làm rõ tính hợp lý của khối lượng đào lớn so với khối lượng đắp		
35	Lập bảng cân bằng đất đào, đất đắp, xác định cụ thể khối lượng đất tận dụng tại chỗ, khối lượng đất dư, phương án vận chuyển và địa điểm tiếp nhận đất dư; bổ sung đánh giá tác động do hoạt động vận chuyển, tập kết và đổ thải đất.	Đã trình bày bảng tổng hợp tại Bảng 1. 6. Bảng tính toán cân bằng khối lượng san nền Toàn bộ khối lượng bóc bùn, hữu cơ khoảng 95.403,41 m^3 được tận dụng cho trồng cây xanh trong phạm vi dự án với diện tích là 115.489,96 m^2, không thải bỏ ra ngoài môi trường. Lượng đất dư thừa khoảng 2.489.063,30 m^3 tương đương với khoảng 3.484.688,62 tấn được vận chuyển tới vị trí đổ đất dư thừa: 04 Dự án thuộc Chủ đầu tư Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Quang Minh tại phường Linh Sơn, phường Tích Lương, phường Gia Sàng tỉnh Thái Nguyên thuộc Dự án của theo Biên bản làm việc ngày 12/10/2026 về việc tiếp nhận đất dư thừa làm vật liệu san lấp của Dự án "Công viên Nghĩa trang Minh Đức" tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên. Đã đánh giá tác động do bụi từ quá trình vận chuyển vật liệu trong quá trình thi công xây dựng và vận chuyển đổ đất dư thừa tại mục 3.1.1.1. (2). Tác động do bụi, khí thải	41

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		- Khối lượng đất dư thừa theo Chương 1 khoảng 2.489.063,30 m3 tương đương với khoảng 3.484.688,62 tấn (khối lượng riêng của đất 1,4 tấn/m3), trong quá trình đào đắp san nền sẽ được đơn tiếp nhận đất trực tiếp tới chân công trình vận chuyển theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện khoảng 200 ngày, cung đường vận chuyển trung bình khoảng 27km, sử dụng xe 32 tấn với 136 lượt xe/giờ (Chủ dự án thực hiện đánh giá dự báo tác động môi trường này và chỉ chịu trách nhiệm quản lý, giám sát trong phạm vi của Dự án. Đơn vị vận chuyển có trách nhiệm phát sinh các tác động và có biện pháp giảm thiểu trên toàn bộ tuyến đường vận chuyển theo quy định). Nồng độ khí thải được trình bày tại Bảng 3. 7. Nồng độ khí thải từ các phương tiện vận chuyển theo khoảng cách	
36	Báo cáo cần đánh giá đầy đủ tác động của hoạt động vận chuyển đất dư và biện pháp kiểm soát bụi, bùn đất, tiếng ồn, an toàn giao thông.	Tác động của hoạt động vận chuyển đất dư được trình bày tại mục 3.1.1.1. (2). Tác động do bụi, khí thải: Nồng độ khí thải được trình bày tại Bảng 3. 7. Nồng độ khí thải từ các phương tiện vận chuyển theo khoảng cách Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải được trình bày tại mục 3.1.2.3. Đối với bụi, khí thải:	32 – 33; 100; 105

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		- Trong quá trình đào đắp, san nền thực hiện phun nước chống bụi tại khu vực phát sinh ra nhiều bụi. Tại các khu vực thi công xây dựng, sử dụng ống nhựa PVC đục lỗ phun trực tiếp để dập bụi. - Xung quanh khu vực thi công tiến hành quây tường tôn cao 3m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh để hạn chế tác động do bụi, khí thải đồng thời hạn chế những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra. - Các phương tiện vận chuyển có dùng bạt che phủ để tránh vật liệu rơi vãi, phát sinh bụi; Biện pháp giảm thiểu bùn đất được trình bày tại 3.1.2.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại: - Bố trí vị ví để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường, tránh tình trạng bùn đất bám dính trên bánh xe làm ô nhiễm tuyến đường vận chuyển, gây cản trở giao thông; lượng bùn thải này chính là đất san nền dính vào lốp xe vì vậy toàn bộ lượng bùn thải này sẽ được định kỳ vét lên và sử dụng làm nguyên liệu đất san lấp.	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		Đã trình bày tại mục 3.1.2.6. (5). Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường kinh tế - xã hội - Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện phương pháp được phê duyệt; xây dựng hàng rào bao quanh vị trí thi công; lắp đặt biển quảng cáo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trình bày tại ***3.2.2.4. Đối với công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*** Trong quá trình thi công xây dựng, nguồn phát sinh tiếng ồn và rung động chủ yếu là từ các phương tiện vận tải chuyên chở nguyên vật liệu và các phương tiện máy móc thi công trên công trường. Để giảm thiểu tiếng ồn và rung động	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		trong quá trình thi công, chủ dự án thực hiện các biện pháp như sau: - Sắp xếp thời gian vận hành thiết bị máy móc, yêu cầu các nhà thầu thi công tuyệt đối không thi công trong khoảng thời gian từ 21h đến 6h sáng hôm sau. - Trong giai đoạn hoạt động bố trí các thiết bị phát sinh tiếng ồn một cách hợp lý.	
37	Làm rõ phương án đấu nối giao thông từ dự án ra đường hiện trạng, năng lực đáp ứng của tuyến đường tiếp cận, tổ chức giao thông tại các vị trí ra vào và giải pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công, vận hành.	Đã trình bày tại mục 3.1.2.6. (5). Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường kinh tế - xã hội - Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện phương pháp được phê duyệt; xây dựng hàng rào bao quanh vị trí thi công; lắp đặt biển quảng cáo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.	105

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
38	Bổ sung đánh giá tác động của xe vận chuyển đất, vật liệu xây dựng trong giai đoạn thi công; xác định tuyến vận chuyển, thời gian vận chuyển, biện pháp che chắn, vệ sinh đường và hạn chế ảnh hưởng đến khu dân cư.	Đã đánh giá tác động do bụi từ quá trình vận chuyển vật liệu trong quá trình thi công xây dựng và vận chuyển đổ đất dư thừa tại mục 3.1.1.1. (2). Tác động do bụi, khí thải - Khối lượng đất dư thừa theo Chương 1 khoảng 2.489.063,30 m^3 tương đương với khoảng 3.484.688,62 tấn (khối lượng riêng của đất 1,4 tấn/m^3), trong quá trình đào đắp san nền sẽ được đơn tiếp nhận đất trực tiếp tới chân công trình vận chuyển theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện khoảng 200 ngày, cung đường vận chuyển trung bình khoảng 27km, sử dụng xe 32 tấn với 136 lượt xe/giờ (Chủ dự án thực hiện đánh giá dự báo tác động môi trường này và chỉ chịu trách nhiệm quản lý, giám sát trong phạm vi của Dự án. Đơn vị vận chuyển có trách nhiệm phát sinh các tác động và có biện pháp giảm thiểu trên toàn bộ tuyến đường vận chuyển theo quy định). - Khối lượng nguyên vật liệu thi công các hạng mục công trình tính toán tại chương 1 khoảng 105.024,36 tấn nguyên, vật liệu, thời gian thi công là 45 tháng tương đương 1.170 ngày, cung đường vận chuyển trung bình khoảng 20km, sử dụng xe 16 tấn với 2 lượt xe/giờ. - Khối lượng chất thải từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu đổ thải là 4.221,84 tấn, thời gian vận chuyển là 20 ngày, cung	100

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		đường vận chuyển trung bình khoảng 20km, sử dụng xe 16 tấn với 4 lượt xe/giờ Đã nêu biện pháp che chắn, vệ sinh đường khi vận chuyển tại mục 3.1.2.3. Đối với bụi, khí thải: - Trong quá trình đào đắp, san nền thực hiện phun nước chống bụi tại khu vực phát sinh ra nhiều bụi. Tại các khu vực thi công xây dựng, sử dụng ống nhựa PVC đục lỗ phun trực tiếp để dập bụi. - Các phương tiện vận chuyển có dùng bạt che phủ để tránh vật liệu rơi vãi, phát sinh bụi;	
39	Báo cáo dự kiến xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 220 m^3/ngày đêm, trong khi lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất được nêu khoảng 215,11 m^3/ngày đêm. Công suất dự kiến chỉ cao hơn lưu lượng nêu trong báo cáo một khoảng nhỏ, vì vậy cần làm rõ cơ sở tính toán và khả năng đáp ứng trong điều kiện vận hành thực tế.	Đã bổ sung bảng tính toán nhu cầu thoát nước thải tại Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu thoát nước thải. Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất khoảng 218,51 m^3/ngày (hệ số k = 1,3), nên chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng trạm XLNT công suất 220 m^3/ngày	41
40	Rà soát dự báo lưu lượng nước thải, thành phần và nguồn phát sinh; làm rõ cơ sở xác định công suất trạm xử lý, hệ số không điều hòa, khả năng tăng lưu	Đã bổ sung bảng tính toán nhu cầu thoát nước thải tại Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu thoát nước thải. Tổng lưu lượng	41

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	lượng vào các thời điểm cao điểm và lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động dịch vụ khác	nước thải lớn nhất khoảng 218,51 m^3/ngày (hệ số k = 1,3), đã tính toán thời điểm cao điểm nhất của Dự án nên chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng trạm XLNT công suất 220 m^3/ngày.	
41	Cập nhật các quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý áp dụng đúng với thời điểm lập, thẩm định hồ sơ; tránh sử dụng quy chuẩn đã hết hiệu lực hoặc viện dẫn chưa phù hợp với nguồn thải và loại hình công trình	Đã cập nhật lại toàn bộ quy chuẩn đã hết hiệu lực trong báo cáo	-
42	Tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tham vấn cộng đồng, đặc biệt là các kiến nghị liên quan đến đất sản xuất, hệ thống kênh mương, tác động đến khu dân cư và phương án ứng phó sự cố môi trường	Đã giải trình các ý kiến tại Bảng 7. 1. Bảng tổng hợp kết quả tham vấn trong quá trình thực hiện Dự án: Chủ đầu tư thực hiện cải nắn, hoàn trả tuyến kênh (0,3 x 0,3)m mới đấu nối từ hệ thống đập Líp tại khu vực canh tác của tổ dân phố Ba Quanh với chiều dài tuyến kênh mới dài 305m đảm bảo không ảnh hưởng đến diện tích còn lại đang canh tác của bà con. Dự án triển khai tại khu vực này sẽ tập trung một lượng công nhân. Việc tập trung một lượng người vãng lai tại khu vực sẽ gây một số xáo trộn về xã hội như: Khác biệt văn hoá, dân tộc, tập quán. Các vấn đề về xã hội có thể xảy ra như: Xích mích giữa nhân dân và công nhân, Công nhân không	155

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		được quản lý tốt uống rượu đánh bạc, hút hít và mại dâm làm tăng các tệ nạn này, thậm chí là trộm cắp tài sản nhân dân… Chủ đầu tư cam kết thực hiện nghiêm túc các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống và ứng phó với các sự cố môi trường như đã nêu trong báo cáo ĐTM	
IV	**Bà Thăng Thị Minh Hiến – Ủy viên Thư ký**		
43	- Bổ sung phương án thu gom, quản lý bùn cặn, dầu mỡ từ bể lắng nước rửa xe 22,5 m^3;	Đã chỉnh sửa bổ sung tại mục 3.1.2.1. Đối với nước thải: ***b.1. Nước thải từ hoạt động rửa xe*** Tại cổng ra của công trường sẽ lắp đặt hệ thống rửa bánh xe trước khi ra khỏi dự án. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe theo đường rãnh tạm thoát nước kết cấu bằng bê tông (rộng x sâu x dài = 0,5 x 0,8 x 20m) vào 1 bể lắng 03 ngăn kết cấu xây bê tông nằm ở cổng ra vào công trường có dung tích 30m^3 (dài x rộng x sâu = 5x3x2m). Ngăn thứ nhất và ngăn thứ hai dùng để tách dầu, lắng cặn và ngăn thứ ba dùng để chứa nước rửa sau khi được lắng cặn, có đệm thấm hút dầu; định kỳ thay miếng đệm thấm hút dầu và quản lý theo chất thải nguy hại. Nước rửa bánh xe sau khi lắng lọc đất cát sẽ được dùng làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và sử dụng máy bơm để bơm	98

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		tưới nước dùng để tưới nước dập bụi trong công trường thi công, không thải ra ngoài môi trường.	
44	Bổ sung đối tượng, tác động liên quan đến di dời, quy tập 08 ngôi mộ và 04 nghĩa trang hiện hữu, nhất là yếu tố văn hóa, tâm linh; làm rõ sự đồng thuận của các hộ dân về bồi thường, di dời.	Đã rà soát, chỉnh sửa ***3.1.1.3. Tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư*** ***(1). Tác động do việc chiếm dụng đất, đền bù, GPMB*** **** Tác động do việc chiếm dụng đất*** Chủ đầu tư phối hợp với UBND phường Phúc Thuận và trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện giải phóng, đền bù và hỗ trợ người dân kinh phí thực hiện di dời mồ mả. Các ngôi mộ trong phạm vi Dự án sẽ được di rời đến vị trí ô đất quy hoạch với tổng diện tích khoảng 5.000 m^2 thuộc quản lý của UBND phường Phúc Thuận. Quy trình cải táng các ngôi mộ hiện hữu trong quá trình chuẩn bị mặt bằng không thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư.	
45	Bổ sung đầy đủ các thông tin đối với nội dung tham vấn cộng đồng chịu tác động trực tiếp của Dự án, đề nghị nêu rõ số người dân được mời và số người tham gia họp đã đảm bảo 2/3 số hộ ảnh hưởng trong quá trình tham vấn chưa? Đối với số hộ dân không tham gia họp chủ dự án đã thực hiện lấy ý kiến theo 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 theo đúng quy	Đã bổ sung tại mục 7.1.1.2. Tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp Kết quả tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường: Số người dân chịu hưởng trong quá trình thực hiện Dự án khoảng 239 hộ dân trong đó số người dân tham dự cuộc họp tham vấn tại Hội trường UBND phường Phúc Thuận khoảng 200 hộ dân. Tuy nhiên sau cuộc họp,	154

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
	định chưa, số phiếu lấy ý kiến? Số phiếu phản hồi, kết quả phiếu lấy ý kiến.	phần lớn các hộ dân không ký biên bản và phiếu tham vấn. Sau đó đơn vị tư vấn đã phối hợp cùng với UBND phường Phúc Thuận và tổ trưởng các tổ dân phố Đầm Mương, Minh Đức, Thống Thượng thực hiện lấy bổ sung phiếu ý kiến các hộ dân chịu ảnh hưởng bằng hình thực phát phiếu. Đến hết ngày 19/10/2026, kết quả số phiếu lấy ý kiến như sau: Số phiếu gửi lấy ý kiến tham vấn là 137; số phiếu phản hồi là 113 phiếu, số phiếu không phản hồi trong thời gian quy định là 20 phiếu. *(Theo Biên bản bàn giao phiếu tham vấn trong quá trình thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Công viên nghĩa trang Minh Đức" ngày 19/10/2026 giữa Ủy ban nhân dân phường Phúc Thuận và Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN)*	
46	- Bổ sung thông tin, nội dung điều chỉnh GCN ĐKKD liên quan đến tự cách pháp nhân của Dự án (Ông Lê Văn Tứ và ông Nguyễn Đức Lượng)	Đã bổ sung Đăng ký kinh doanh với pháp nhân là ông Nguyễn Đức Lượng	9
47	- Thống nhất thông tin chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN hay Công ty TNHH Nguyễn Khang Thái Nguyên (trang 8).	Đã chỉnh sửa, thống nhất toàn bộ báo cáo: Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN	9

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
48	- Đánh giá tác động của vận chuyển nguyên vật liệu, đất đào, đất thải, vật liệu rơi vãi trên các tuyến đường ĐT261; hiện nay, các dư án như mỏ đất, Nhà máy xử lý rác đều vận chuyển lưu thông trên tuyến ĐT261; Do vậy, đề nghị chủ đầu tư xác định tuyến vận chuyển, lưu lượng, mật sộ xe...và đưa ra các giải pháp nhằm kiểm soát bụi, tiếng ồn.	Số lượng xe vận chuyển của Dự án và đánh giá tác động được trình bày tại mục 3.1.1.1. (2). Tác động do bụi, khí thải - Khối lượng đất dư thừa theo Chương 1 khoảng 2.489.063,30 m^3 tương đương với khoảng 3.484.688,62 tấn (khối lượng riêng của đất 1,4 tấn/m^3). Thời gian thực hiện khoảng 200 ngày, cung đường vận chuyển trung bình khoảng 27km, sử dụng xe 32 tấn với 136 lượt xe/giờ. - Khối lượng nguyên vật liệu thi công các hạng mục công trình tính toán tại chương 1 khoảng 105.024,36 tấn nguyên, vật liệu, thời gian thi công là 45 tháng tương đương 1.170 ngày, cung đường vận chuyển trung bình khoảng 20km, sử dụng xe 16 tấn với 2 lượt xe/giờ. - Khối lượng chất thải từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu đổ thải là 4.221,84 tấn, thời gian vận chuyển là 20 ngày, cung đường vận chuyển trung bình khoảng 20km, sử dụng xe 16 tấn với 4 lượt xe/giờ. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải được trình bày tại mục 3.1.2.3. Đối với bụi, khí thải: - Trong quá trình đào đắp, san nền thực hiện phun nước chống bụi tại khu vực phát sinh ra nhiều bụi. Tại các	100

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		khu vực thi công xây dựng, sử dụng ống nhựa PVC đục lỗ phun trực tiếp để dập bụi. - Xung quanh khu vực thi công tiến hành quây tường tôn cao 3m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh để hạn chế tác động do bụi, khí thải đồng thời hạn chế những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra. - Các phương tiện vận chuyển có dùng bạt che phủ để tránh vật liệu rơi vãi, phát sinh bụi; Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trình bày tại ***3.2.2.4. Đối với công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*** Trong quá trình thi công xây dựng, nguồn phát sinh tiếng ồn và rung động chủ yếu là từ các phương tiện vận tải chuyên chở nguyên vật liệu và các phương tiện máy móc thi công trên công trường. Để giảm thiểu tiếng ồn và rung động trong quá trình thi công, chủ dự án thực hiện các biện pháp như sau: - Sắp xếp thời gian vận hành thiết bị máy móc, yêu cầu các nhà thầu thi công tuyệt đối không thi công trong khoảng thời gian từ 21h đến 6h sáng hôm sau.	

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		- Trong giai đoạn hoạt động bố trí các thiết bị phát sinh tiếng ồn một cách hợp lý.	
49	- Làm rõ phù hợp với quy hoạch và khoảng cách an toàn theo QCVN 01:2021/BXD của khu lò hỏa táng, khu lưu tro cốt, khu cát táng đến các công trình nhà ở, khu dân cư và các đối tượng nhạy cảm (hiện trạng công trình nhà cấp IV trong phạm vi thực hiện dự án).	Về khoảng cách an toàn đã bổ sung tại mục 1.1.5.1. Mối tương quan với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và thể hiện tại Hình 1. 2. Khoảng cách từ khu vực lò hỏa táng và khu vực cát táng đến vị trí xung quanh. Trong bán kính 500m từ khu vực đặt lò hỏa táng có 03 công trình nhà ở cấp IV thuộc tổ dân phố Minh Đức (thuộc phần diện tích 7,53ha do UBND phường Phúc Thuận tiếp nhận quản lý). Hiện nay, Chủ đầu tư đang phối hợp cùng UBND xã đã thực hiện thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất, nên trong bán kính 500m từ khu vực lò hỏa táng và 100m từ khu vực cát táng không có công trình nhà ở, khu dân cư tập trung đảm bảo theo đúng khoảng cách an toán về môi trường của Nhĩa trang quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	31
50	- Làm rõ cơ sở tính toán lưu lượng 215,11 m^3/ngày đêm và tính khả thi trong việc thiết kế trạm XLNT 220 m^3/ngày đêm, có đảm bảo khả năng chịu tải, lưu chứa nước thải tạm thời nếu xảy ra sự cố đối với trạm XLNT;	Đã bổ sung tính toán lưu lượng nước thải tại Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu thoát nước thải./ Đối với khả năng lưu chứa được thể hiện tại bảng Bảng 3. 34. Bảng thống kê kích thước các bể trạm XLNT công suất 220 m3/ng.đ	41

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
V	**Ông Dương Như Long - Ủy viên Hội đồng**		
51	Bổ sung làm rõ các nội dung câu hỏi nêu trên trong nội dung báo cáo đánh giá ĐTM	Đã bổ sung trong báo cáo	-
52	Bổ sung làm rõ các nội dung liên quan đến quá trình tham vấn; bổ sung làm rõ các nội dung giải trình và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối vơi các thông tin, số liệu trong quá trình tham vấn.	Đã trình bày tại mục 7.1.1.2. Tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp Số người dân chịu hưởng trong quá trình thực hiện Dự án khoảng 239 hộ dân trong đó số người dân tham dự cuộc họp tham vấn tại Hội trường UBND phường Phúc Thuận khoảng 200 hộ dân. Tuy nhiên sau cuộc họp, phần lớn các hộ dân không ký biên bản và phiếu tham vấn. Sau đó đơn vị tư vấn đã phối hợp cùng với UBND phường Phúc Thuận và tổ trưởng các tổ dân phố Đầm Mương, Minh Đức, Thống Thượng thực hiện lấy bổ sung phiếu ý kiến các hộ dân chịu ảnh hưởng bằng hình thực phát phiếu. Đến hết ngày 19/10/2026, kết quả số phiếu lấy ý kiến như sau: Số phiếu gửi lấy ý kiến tham vấn là 137; số phiếu phản hồi là 113 phiếu, số phiếu không phản hồi trong thời gian quy định là 20 phiếu. *(Theo Biên bản bàn giao phiếu tham vấn trong quá trình thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Công viên nghĩa trang Minh Đức" ngày 19/10/2026 giữa*	154

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Trang
		Ủy ban nhân dân phường Phúc Thuận và Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN)	
53	Bổ sung sơ đồ thể hiện khoảng cách đến các đối tượng xung quanh, nhất là các hộ dân liền kề xung quanh dự án đến vị trí đặt lò hoả táng và các khu mộ cát táng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin số liệu xác định khoảng cách an toàn theo quy định.	bổ sung tại mục 1.1.5.1. Mối tương quan với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và thể hiện tại Hình 1. 2. Khoảng cách từ khu vực lò hỏa táng và khu vực cát táng đến vị trí xung quanh. Trong bán kính 500m từ khu vực đặt lò hỏa táng có 03 công trình nhà ở cấp IV thuộc tổ dân phố Minh Đức (thuộc phần diện tích 7,53ha do UBND phường Phúc Thuận tiếp nhận quản lý). Hiện nay, Chủ đầu tư đang phối hợp cùng UBND xã đã thực hiện thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất, nên trong bán kính 500m từ khu vực lò hỏa táng và 100m từ khu vực cát táng không có công trình nhà ở, khu dân cư tập trung đảm bảo theo đúng khoảng cách an toán về môi trường của Nhĩa trang quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	31